

2. NHẬN DẠNG MỖI NGUY HIỂM

Phân loại

KHÔNG NGUY HIỂM	KHÔNG AI

Xuất hiện Rõ ràng không chịu

màuPhysical trạng thái

LiquidOdor Dễ

Các yếu tố nhãn GHS, bao gồm các tuyên bố phòng ngừa

Chất lỏng dễ cháy phân loại

GHS : Yếu tố **nhãn GHS** loại

4

Từ tín hiệu : Cảnh báo

Tuyên bố nguy hiểm: Chất lỏng dễ cháy H227.

Tuyên bố phòng

ngừaPrevention:

P210 Tránh xa nhiệt / tia lửa / ngọn lửa mở / bề mặt nóng. -
Không hút thuốc.

P280 Đeo găng tay bảo vệ / bảo vệ mắt / bảo vệ khuôn mặt.

Bộ nhớ:

Cửa hàng P403 + P235 ở nơi thông thoáng. Giữ bình tĩnh.

Xử lý:

Xử lý P501

Các mối nguy hiểm khác

Hơi có thể tạo thành hỗn hợp nổ với

3. THÀNH PHẦN/THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Chất

Chất / Hỗn hợp : Hỗn

hợp bản chất hóa học :Silicone

Hỗn hợp

Không nguy hiểm

Tên hóa chất	CAS-No	Phần trăm	Đạo luật đánh giá thông tin vật liệu nguy hiểm số đăng ký (HMIRA registry #)	Ngày HMIRA nộp đơn và miễn trừ ngày được cấp (nếu có)
Decamethylcyclopentasiloxane	541-02-6	> = 50 - < 70	-	-

Ethyl

Alcohol64-17-5

<8

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Các biện pháp sơ cứu

Lời khuyên chung	Hiện thị bảng dữ liệu an toàn này cho bác sĩ tham dự.
Hít	
Giao tiếp bằng mắt	Rửa sạch ngay lập tức với nhiều nước, cũng dưới mí mắt, trong ít nhất 15 phút. Giữ cho mắt mở rộng trong khi rửa. Không chà xát khu vực bị ảnh hưởng. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.
Tiếp xúc với da	Xả nước cho da bị ô nhiễm với nhiều nước. Loại bỏ quần áo và giày dép bị ô nhiễm. Được chăm sóc y tế nếu các triệu chứng xảy ra.
Uống	Nếu nuốt phải, hãy tham khảo ý kiến bác sĩ.
Tự bảo vệ người sơ cứu đầu tiên	Không có thông tin sẵn dùng.

Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và chậm trễ

Ảnh hưởng sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

Giao tiếp bằng mắt: Không có tác dụng đáng kể được biết đến hoặc các mối nguy hiểm nghiêm trọng. Hít phải: Không có tác dụng đáng kể được biết đến hoặc các mối nguy hiểm nghiêm trọng. Tiếp xúc với da: Không có tác dụng đáng kể được biết đến hoặc các mối nguy hiểm nghiêm trọng. Nuốt phải: Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường thở.

Các dấu hiệu / triệu chứng quá mức

Giao tiếp bằng mắt:	Không có dữ liệu cụ thể
Hít phải:	Không có dữ liệu cụ thể
Liên hệ da:	Không có dữ liệu cụ thể
Nuốt:	Không có dữ liệu cụ thể

Chỉ định bất kỳ sự chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết Lưu ý cho các bác sĩ

Điều trị có triệu chứng.

5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Phương tiện truyền thông dập tắt phù hợp	Sử dụng một chất dập tắt phù hợp với đám cháy xung quanh.
Phương tiện truyền thông dập tắt không phù hợp	Không ai biết.
Các mối nguy hiểm cụ thể phát sinh từ hóa chất	Không ai biết.
Sản phẩm đốt nguy hiểm	Không ai biết.
Dữ liệu vụ nổ	
Độ nhạy cảm với tác động cơ học	Không có thông tin sẵn dùng.
Độ nhạy cảm với xả tĩnh	Không có thông tin sẵn dùng.
Thiết bị bảo vệ đặc biệt cho lính cứu hỏa	Không có thông tin sẵn dùng.

6. BIỆN PHÁP THẢ TỰ DO VÔ TÌNH

Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và các thủ tục khẩn cấp

Các biện pháp phòng ngừa cá nhân Loại bỏ tất cả các nguồn đánh lửa. Giữ cho nhân viên không cần thiết và không được bảo vệ vào. Không chạm hoặc đi qua vật liệu bị đổ. Tránh tiếp xúc với da, mắt hoặc quần áo. Đảm bảo thông gió đầy đủ. Giữ mọi người tránh xa và ngược chiều của sự cố tràn / rò rỉ.

Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch

Phương pháp ngăn chặn Ngăn chặn rò rỉ nếu bạn có thể làm điều đó mà không có rủi ro. Không chạm hoặc đi qua vật liệu bị đổ. Đê xa trước sự cố tràn chất lỏng để xử lý sau này.

Phương pháp làm sạch Đập lên. Ngâm với vật liệu thấm trợ. Nhận và chuyển đến các thùng chứa được dán nhãn đúng cách.

7. XỬ LÝ VÀ LƯU TRỮ

Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn

Tư vấn về xử lý an toàn Put về thiết bị bảo vệ cá nhân thích hợp. Đừng nuốt. Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Người lao động nên rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc.

Điều kiện để lưu trữ an toàn, bao gồm bất kỳ sự không tương thích nào

Điều kiện lưu trữ Lưu trữ theo quy định của địa phương. Cửa hàng bị khóa. Tránh xa tầm với của trẻ em.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

Tham số điều khiển

Giới hạn phơi sáng Decamethylcyclopentasiloxane Cas No. 541-02-6 TWA:10ppm DCC OEL

Điều khiển kỹ thuật thích hợp

Điều khiển kỹ thuật Thông gió chung tốt là đủ để kiểm soát sự tiếp xúc của công nhân VỚI các chất gây ô nhiễm trong không khí.

Các biện pháp bảo vệ cá nhân, chẳng hạn như thiết bị bảo vệ cá nhân

Bảo vệ mắt/mặt	Kính bảo hộ an toàn niêm phong chặt chẽ.
Bảo vệ tay	Không cần thiết khi sử dụng bình thường.
Bảo vệ da và cơ thể	Không cần thiết khi sử dụng bình thường.
Bảo vệ hô hấp	Không cần thiết khi sử dụng bình thường.
Cần nhắc vệ sinh chung	Không cần thiết khi sử dụng bình thường.

9. TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Tính chất vật lý và hóa học

Trạng thái vật lý	Lỏng
Bề ngoài	Trong
Mùi	Tốt
Màu	Colorless
Ngưỡng mùi	Tốt

	<u>Giá trị</u> thuộc tính	<u>Phương pháp</u> nhận xét
Điểm nóng chảy / đóng băng	pHNA	
Điểm sôi / phạm vi sôi	bằngKhông có sẵn dữ liệu	Không ai biết
Flash	°C / 212 °F	
Rate bốc hơi	PointKhông có sẵn dữ liệu	
Tính dễ cháy (rắn, khí)	có sẵn dữ liệu	Không ai biết
Giới hạn dễ cháy trong không khí	Không có dữ liệu có sẵn	Không ai biết
Giới hạn dễ cháy	trênKhông có sẵn dữ liệu	
Giới hạn dễ cháy thấp	hơnKhông có sẵn dữ liệu	
Áp suất	hơiKhông có sẵn dữ liệu	Không ai biết
Mật độ	hơiKhông có sẵn dữ liệu	Không ai biết
Mật độ tương đối	đổi0.940-0.955	
Độ hòa tan trong nước	Hòa tan trong nước	
Độ hòa tan (ies)	Không có dữ liệu sẵn dùng	Không ai biết
Hệ số phân vùng: n-octanol/water	not áp dụng	
Autoignition	temperatureKhông có sẵn dữ liệu	Không ai biết

Nhiệt độ phân hủy	Không có dữ liệu sẵn dùng	Không ai biết
Độ nhớt động học	Không có dữ liệu sẵn dùng	Không ai biết
Độ nhớt động	Không có dữ liệu sẵn dùng	Không ai biết

Thông tin khác

Tính chất nổ	Không có thông tin sẵn dùng
Tính chất oxy hóa	Không có thông tin sẵn dùng
Điểm làm mềm	Không có thông tin sẵn dùng
Trọng lượng phân tử	Không có thông tin sẵn dùng
Nội dung VOC (%)	Không có thông tin sẵn dùng
Mật độ chất lỏng	Không có thông tin sẵn dùng
Mật độ số lượng lớn	Không có thông tin sẵn dùng
Kích thước hạt	Không có thông tin sẵn dùng
Phân bố kích thước hạt	Không có thông tin sẵn dùng

10. ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

Phản ứng	Không có thông tin sẵn dùng.
Ổn định hóa học	Ổn định trong điều kiện bình thường.
Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm	Không ai được xử lý bình thường.
Trùng hợp nguy hiểm	Trùng hợp nguy hiểm không xảy ra.
Các điều kiện cần tránh	Không có thông tin sẵn dùng.
Vật liệu không tương thích	Không ai được biết đến dựa trên thông tin được cung cấp.
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm	Oxit carbon .

11. THÔNG TIN ĐỘC TÍNH**Thông tin về các tuyến đường phơi nhiễm có khả năng****Thông tin sản phẩm**

Hít	Dữ liệu thử nghiệm cụ thể cho chất hoặc hỗn hợp không có sẵn.
Giao tiếp bằng mắt	Dữ liệu thử nghiệm cụ thể cho chất hoặc hỗn hợp không có sẵn.
Tiếp xúc với da	Dữ liệu thử nghiệm cụ thể cho chất hoặc hỗn hợp không có sẵn. Có thể gây nhạy cảm do tiếp xúc với da. (dựa trên các thành phần). Tiếp xúc da lặp đi lặp lại hoặc kéo dài có thể gây ra phản ứng dị ứng với những người nhạy cảm.
Uống	Dữ liệu thử nghiệm cụ thể cho chất hoặc hỗn hợp không có sẵn.

Thông tin về ảnh hưởng độc tính

Triệu chứng Ngứa. Phát ban. Nổi mề đay.

Các biện pháp SỐ về độc tính

Độc tính cấp tính**Thông tin thành phần**

Tên hóa chất	Uống LD50	Da LD50	Hít phải LC50
			-

Tác dụng chậm trễ và ngay lập tức cũng như ảnh hưởng mãn tính do tiếp xúc ngắn hạn và dài hạn

Ăn mòn da / kích ứng	Không CÓ thông tin.
Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng mắt	Không có sẵn thông tin.
Nhạy cảm với hô hấp hoặc da	May gây nhạy cảm bằng cách tiếp xúc với da.
Gây đột biến tế bào mầm	Không có sẵn thông tin.
Chất gây ung thư	Không có sẵn thông tin.
Độc tính sinh sản	Không có sẵn thông tin.
STOT - phơi sáng đơn	Không có sẵn thông tin.
STOT - phơi sáng lặp đi lặp lại	Không CÓ thông tin nào.
Nguy cơ nguyện	Không có sẵn thông tin.

12. THÔNG THIỆC SINH THÁI

Tác động môi trường của sản phẩm này chưa được điều tra đầy đủ.

Kiên trì và khả năng suy thoái	Không có sẵn thông tin.
Bioaccumulation	Không có dữ liệu cho sản phẩm này.
Mobility	Không có sẵn thông tin.
Các tác dụng phụ khác	Không có sẵn thông tin.

13. CÂN NHẮC XỬ LÝ

Phương pháp xử lý chất thải**Chất thải từ dư lượng / sản phẩm không sử dụng**

Xử lý theo quy định của địa phương. Xử lý chất thải theo quy định của pháp luật về môi trường.

Bao bì bị ô nhiễm

Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.

14. THÔNG TIN VẬN TẢI**CHẤM****Tên vận chuyển thích hợp**
Lớp Nguy hiểmKHÔNG QUY ĐỊNH
KHÔNG ĐƯỢC QUY ĐỊNH
N/A**TDG**

Không được quy định

MEX

Không được quy định

ICAO

Không được quy định

IATA**Tên vận chuyển thích hợp**
Lớp Nguy hiểmKhông được quy định
KHÔNG ĐƯỢC QUY ĐỊNH
N/A**IMDG/IMO****Lớp Nguy hiểm**Không được quy định
N/A**THOÁT KHỎI**

Không được quy định

ADR

Không được quy định

ADN

Không được quy định

15. THÔNG TIN QUY ĐỊNH**Các quy định/ pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể cho chất hoặc hỗn hợp****Quy định quốc tế****Các chất làm suy giảm tầng ozone (ODS)** Không áp dụng**Các chất ô nhiễm hữu cơ dai dẳng** không áp dụng được**Yêu cầu Thông báo Xuất khẩu** Không áp dụng**Hàng tồn kho quốc tế****TSCA**

Liên hệ với nhà cung cấp để biết tình trạng tuân thủ hàng tồn kho.

DSL/NDSL

Liên hệ với nhà cung cấp để biết tình trạng tuân thủ hàng tồn kho.

EINECS /ELINCS

Liên hệ với nhà cung cấp để biết tình trạng tuân thủ hàng tồn kho.

ENCS

Liên hệ với nhà cung cấp để biết tình trạng tuân thủ hàng tồn kho.

KECL	Liên hệ với nhà cung cấp để biết tình trạng tuân thủ hàng tồn kho.
PICCS	Liên hệ với nhà cung cấp để biết tình trạng tuân thủ hàng tồn kho.
AICS	Liên hệ với nhà cung cấp để biết tình trạng tuân thủ hàng tồn kho.

Truyền thuyết

TSCA - Đạo luật kiểm soát chất độc hại của Hoa Kỳ Mục 8 (b) Hàng tồn kho
DSL / NDSL - Danh sách các chất trong nước Canada / Danh sách các chất không phải trong nước
EINECS / ELINCS - Kiểm kê châu Âu về các chất hóa học hiện có / Danh sách các chất hóa học được thông báo châu Âu
ENCS - Nhật Bản các chất hóa học hiện có và mới
KECL - Các chất hóa học hiện có và được đánh giá của Hàn Quốc
PICCS - Philippines kiểm kê hóa chất và chất hóa học
AICS - Kiểm kê các chất hóa học của Úc

Quy định liên bang Hoa Kỳ**SARA 313**

Mục 313 của Tiêu đề III của Đạo luật Sửa đổi và Tái cấp phép Superfund năm 1986 (SARA). Sản phẩm này không chứa bất kỳ hóa chất nào tuân theo các yêu cầu báo cáo của Đạo luật và Tiêu đề 40 của Bộ luật Quy định Liên bang, Phần 372

Nguy cơ sức khỏe cấp tính	Không
Nguy hiểm sức khỏe mãn tính	Không
Nguy cơ hỏa hoạn	Không
Độc ngọt giải phóng nguy cơ áp suất	Không
Nguy cơ phản ứng	Không

CWA (Đạo luật nước sạch)

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được quy định là chất gây ô nhiễm theo Đạo luật nước sạch (40 CFR 122.21 và 40 CFR 122.42)

CERCLA

Vật liệu này, như được cung cấp, không chứa bất kỳ chất nào được quy định là chất độc hại theo Đạo luật Bồi thường và Trách nhiệm Đáp ứng Môi trường Toàn diện (CERCLA) (40 CFR 302) hoặc Đạo luật Sửa đổi và Tái cấp phép Superfund (SARA) (40 CFR 355). Có thể có các yêu cầu báo cáo cụ thể ở cấp địa phương, khu vực hoặc tiểu bang liên quan đến việc phát hành tài liệu này

Quy định của Tiểu bang Hoa Kỳ**Dự luật California 65**

Sản phẩm này không chứa bất kỳ hóa chất Dự luật 65 nào.

Quy định về quyền được biết của Tiểu bang Hoa Kỳ

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào vượt quá giới hạn ngưỡng được quy định bởi quyền được biết của tiểu bang.

16. THÔNG TIN KHÁC**Ghi chú Sửa đổi**

Không có thông tin sẵn dùng

Disclaimer

Thông tin được cung cấp trong Bảng dữ liệu an toàn này là chính xác với kiến thức, thông tin và niềm tin tốt nhất của chúng tôi tại ngày công bố. Thông tin được đưa ra chỉ được thiết kế như một hướng dẫn để xử lý, sử dụng, xử lý, lưu trữ, vận chuyển, xử lý và phát hành an toàn và không được coi là đặc điểm kỹ thuật bảo hành hoặc chất lượng. Thông tin chỉ liên quan đến tài liệu cụ thể được chỉ định và có thể không hợp lệ đối với tài liệu đó được sử dụng kết hợp với các tài liệu khác hoặc trong bất kỳ quy trình nào, trừ khi được chỉ định trong văn bản.

Kết thúc Bảng dữ liệu an toàn